

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1083/2023/DSPT

Ngày: 23/11/2023

Về việc: Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Bà Võ Thị Kim Thương

2. Bà Nguyễn Thị Thu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 515/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 349/2023/DS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5039/2023/QĐPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Xuân Q, sinh năm: 1951 (Vắng mặt)

Bà Lã Thị Thanh V1, sinh năm 1955 (Có mặt)

Địa chỉ: Số X đường ĐH, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lã Thị Thanh V1, sinh năm 1955 (Có mặt);

Địa chỉ: Số X đường ĐH, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(theo văn bản ủy quyền số công chứng 005618 lập ngày 02/8/2023 tại Văn phòng công chứng Lê Kim Thanh)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1975 (Vắng mặt)

Bà Dương Thị V2, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Số Q đường L, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Số K đường S, phường N quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số công chứng 010281 lập ngày 28/11/2022 tại Văn Phòng công chứng Ninh Thị Hiền).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lã Thị Thanh V1 và là người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Xuân Q trình bày:

Ngày 25-10-2020, bà Dương Thị V2 và ông Hoàng Xuân Q có ký Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất. Theo đó, bà Dương Thị V2 đồng ý bán cho ông Q căn nhà số M đường F, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 452604, số vào sổ cấp GCN: CS00125 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/7/2017, được cập nhật biến động cho bà Dương Thị V2 vào ngày 19/6/2020, với giá 1.580.000.000đ (Một tỷ năm trăm tám mươi triệu) đồng. Vợ chồng ông Hoàng Xuân Q, bà Lã Thị Thanh V1 đã giao đủ số tiền nêu trên cho vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Dương Thị V2 vào ngày 02/11/2020. Tuy nhiên, do căn nhà xây dựng trái phép (xây dựng thêm 1 lầu) nên không làm được thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu. Vì vậy, giữa bà Dương Thị V2 và vợ chồng ông Q đã lập Bản cam kết thực hiện ngày 07/4/2021, theo đó hai bên thỏa thuận hủy Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất ngày 25-10-2020 và bà Dương Thị V2 có trách nhiệm trả lại số tiền 1.580.000.000 đồng cho vợ chồng ông Hoàng Xuân Q, bà Lã Thị Thanh V1, thời gian hoàn trả là 03 tháng.

Ngày 17-11-2021, vợ chồng ông Nguyễn Văn L, bà Dương Thị V2 đã ký Hợp đồng chuyển nhượng căn nhà số M đường F cho vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Tuyết D. Trong ngày 17/11/2021, bà Dương Thị V2 đã trả cho ông Q số tiền 735.000.000 đồng và xác nhận còn nợ lại số tiền 845.000.000 đồng, nhưng đến nay vợ chồng ông L, bà V2 vẫn không thực hiện trả số tiền trên như đã cam kết. Vì vậy, Ông Hoàng Xuân Q, bà Lã Thị Thanh V1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông L, bà V2 phải trả cho ông bà số tiền 845.000.000đ (Tám trăm bốn mươi lăm triệu) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật; trả tiền lãi do chậm thanh toán số tiền 1.580.000.000 đồng từ ngày 10/7/2021 đến 17/11/2021 và tiền lãi của số tiền 845.000.000 đồng từ ngày 01/12/2021 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo lãi suất 10%/năm. Tiền lãi tiếp tục tính kể từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Nguyễn Văn L, bà Dương Thị V2 trả xong nợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V2 ủy quyền cho ông Trần Văn T làm đại diện trình bày:

Ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V2 thừa nhận đã ký Hợp đồng đặt cọc mua bán nhà đất ngày 25/10/2020 đối với căn nhà số M đường F, Phường Y, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh như vợ chồng ông Hoàng Xuân Q, bà Lã Thị Thanh V1 đã trình bày. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 1.580.000.000 đồng, vợ chồng ông L đã nhận tiền cọc 100.000.000 đồng từ ông Q và hẹn đến

ngày 02/11/2020 các bên ký công chứng, ông Q sẽ thanh toán hết số tiền còn lại cho vợ chồng ông L.

Ngày 02/11/2020, vợ chồng ông L ký Hợp đồng ủy quyền cho ông Q theo Hợp đồng ủy quyền số: 02366 ngày 01/11/2020 tại Văn phòng Công chứng ND. Đồng thời, ông Q đã thanh toán đủ tiền như thỏa thuận cho vợ chồng ông L. Vợ chồng ông L cũng đã bàn giao nhà cho ông Q. Quá trình ông Q về ở và gây mất lòng với hàng xóm, nên hàng xóm có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân quận T là gia đình ông Q ở trên căn nhà trước đây có xây thêm 1 tầng nhưng không xin phép, nên Ủy ban nhân dân quận T đến xử lý vi phạm hành chính và buộc phải tháo dỡ, sau đó ông Q buộc vợ chồng ông L phải mua lại căn nhà này. Vì tình cảm nên vợ chồng ông L có viết Bản cam kết ngày 07/04/2021, theo đó vợ chồng ông L trả lại tiền bán căn nhà này cho vợ chồng ông Q, với thời hạn là 03 tháng.

Ngày 17/11/2021, vợ chồng ông L và bà Nguyễn Thị Tuyết D (vợ của ông Nguyễn Văn P) đã ký Hợp đồng mua bán số công chứng 03200 tại Văn phòng Công chứng ND. Bên mua nhà đã giao cho vợ chồng ông L là 615.000.000 đồng, sau đó vợ chồng ông L cũng bàn giao hết lại số tiền này lại cho ông Hoàng Xuân Q. Ông Q cũng ký tên vào hợp đồng đặt cọc để nhận tiền 615.000.000 đồng, số tiền còn lại là 845.000.000 đồng phía vợ chồng bà D phải vay ngân hàng mới trả được cho ông Q. Phía ông Q và vợ chồng ông L cũng đồng ý để bên mua nhà ký hợp đồng ba bên với Ngân hàng B để bảo đảm cho số tiền 845.000.000 đồng mà bên mua ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Tuyết D còn nợ. Cùng ngày 17/11/2021, phía Ngân hàng B ký thỏa thuận 3 bên là phong tỏa số tiền mà vợ chồng bà D còn nợ là 845.000.000 đồng. Ngân hàng được ủy quyền giữa vợ chồng ông L và vợ chồng D đi làm thủ tục đăng bộ sang tên. Quá trình đăng bộ sang tên bị vướng do nhà xây dựng sai phép nên không đăng bộ được, lúc này phía Ngân hàng giao lại toàn bộ giấy tờ cho vợ chồng bà D để làm giấy tờ đăng bộ sang tên. Vợ chồng bà D có thỏa thuận 3 bên giữa vợ chồng ông L với vợ chồng ông Hoàng Xuân Q là giảm bớt tiền mua bán để bên mua có thêm tiền đăng bộ cho xong và phía ông Q đồng ý. Sau đó, vợ chồng bà D tự đi làm giấy tờ và tự trừ chi phí 165.000.000 đồng vào giá trị mua bán nhà. Từ đó, các bên không thỏa thuận được với nhau, lúc này vợ chồng bà D xin thanh toán trước 300.000.000 đồng cho vợ chồng ông Q, số tiền còn lại thanh toán lùi lại nhưng vợ chồng ông Q không đồng ý.

Về yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân Q, bà Lã Thị Thanh V1 thì bị đơn có ý kiến như sau: Vợ chồng ông L, bà V1 xác nhận còn nợ của vợ chồng ông Q số tiền gốc 845.000.000đ (Tám trăm bốn mươi lăm triệu) đồng và bị đơn đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn. Về tiền lãi thì bị đơn không đồng ý với thời gian tính lãi của số tiền 1.580.000.000 đồng tính từ ngày 10/7/2021 đến ngày 17/11/2021. Đồng thời đề nghị nguyên đơn xem xét lại mức lãi suất yêu cầu 10%/năm đối với số tiền 845.000.000 đồng là không phù hợp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 349/2023/DS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Xuân Q, bà Lã Thị Thanh V1.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Dương Thị V2 phải có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Xuân Q, bà Lã Thị Thanh V1 số tiền nợ gốc 845.000.000 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu) đồng và khoản tiền lãi 198.825.116 (Một trăm chín mươi tám triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn một trăm mười sáu) đồng. Tổng cộng là 1.043.825.116 (Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn một trăm mười sáu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền được trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/8/2023 bà Lã Thị Thanh V1 có đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn phải trả thêm tiền lãi là 12%/năm đối với số tiền nợ chưa trả tính từ ngày 14/8/2023 cho đến khi bị đơn hoàn trả đủ số tiền cho nguyên đơn, đồng thời yêu cầu Tòa án ngăn chặn việc bà V2 ông L chuyển nhượng tài sản cho người khác và cấm đi khỏi nơi cư trú nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngày 06/9/2023 (căn cứ theo dấu bưu điện tại bưu cục Bảy Hiền), bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V2 có đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Hoàng Xuân Q và bà Lã Thị Thanh V1 và bà V1 cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Xuân Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Hoàng Xuân Q, bà Lã Thị Thanh V1 và bà V1 cũng là người đại diện theo ủy quyền là ông Q yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, với lý do: Số tiền mua nhà trên gia đình nguyên đơn cũng đi vay Ngân hàng, nên phía bị đơn phải có trách nhiệm trả lãi cho nguyên đơn và tiếp tục trả 12%/năm đối với số tiền nợ chưa trả tính từ ngày 14/8/2023 cho đến khi bị đơn hoàn trả đủ số tiền cho nguyên đơn, trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu Tòa án ngăn chặn việc bà V2, ông L chuyển nhượng tài sản cho người khác và cấm bị đơn đi khỏi nơi cư trú nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị V2 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Tuyết D và Ngân hàng B vào tham gia tố tụng là thiếu sót, vì giữa ba bên ông Q, bà Vân và bà D có ký cam kết với nhau; buộc bị đơn trả lãi là đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định án sơ thẩm buộc bị đơn trả lãi là có căn cứ.

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị sửa một phần bản án, với lý do theo lãi suất của Ngân hàng là 12%/năm, nên yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn theo lãi suất này kể từ ngày 14/8/2023 cho đến khi bị đơn hoàn trả đủ số tiền cho nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, lãi suất chỉ được tính khi có bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà phía bên phải thi hành không thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị đơn yêu cầu đưa ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Tuyết D và Ngân hàng B vào tham gia tố tụng, thấy rằng giữa bị đơn và Ông P, bà D không có thỏa thuận về việc Ông P bà D phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 845.000.000 đồng và phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả cho nguyên đơn, nên kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Nhận thấy, bản án sơ thẩm đã xét xử đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn.

Từ những phân tích trên, Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như nhận định trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bà Lã Thị Thanh V1 yêu cầu bị đơn phải trả thêm tiền lãi là 12%/năm đối với số tiền nợ chưa trả tính từ ngày 14/8/2023 cho đến khi bị đơn hoàn trả đủ số tiền cho nguyên đơn, đồng thời yêu cầu Tòa án ngăn chặn việc bà V2, ông L chuyển nhượng tài sản cho người khác và cấm đi khỏi nơi cư trú nhằm đảm bảo cho việc thi hành án. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào lời trình bày và sự thừa nhận của các đương sự cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ngày 07/4/2021 giữa bà Dương Thị V2 và ông Hoàng Xuân Q, bà Lã Thị Thanh V1 có ký với nhau bản cam kết thực hiện (BL43-44). Theo đó, bà Dương Thị V2 đồng ý trả lại số tiền 1.580.000.000 (Một tỷ năm trăm tám mươi triệu) đồng, thời gian hoàn trả lại tiền trong vòng 3 (ba) tháng, nếu có sớm sẽ trả trước thời hạn 3 (ba) tháng (07/7/2021). Trong thời gian này bà Dương Thị V2 được phép giao dịch mua bán căn nhà trên.

Xét, theo bản cam kết thực hiện trên thì giữa hai bên không có thỏa thuận về việc nếu bị đơn chậm trả số tiền trên cho nguyên đơn thì phải trả lãi.

Mặt khác, đây là hợp đồng mua bán nhà, không phải là hợp đồng vay nên nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất 12%/năm đối với số tiền mà bị đơn chưa trả là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu Tòa án ngăn chặn việc bà V2, ông L chuyển nhượng tài sản cho người khác và cấm đi khỏi nơi cư trú nhằm đảm bảo cho việc thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ hiện nay nhà đất M đường F, Phường Y, quận T đã được chuyển nhượng và cập nhật sang tên cho bà Nguyễn Thị Tuyết D, không còn đứng tên ông L bà V2 nữa, nên nhà đất này không còn là đối tượng cấm chuyển nhượng.

Đối với việc cấm bị đơn đi khỏi nơi cư trú, xét thấy đây là tranh chấp dân sự, bị đơn không vi phạm pháp luật về hình sự, nên việc cấm bị đơn đi khỏi nơi cư trú không thuộc thẩm quyền của Tòa án.

Do đó, kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

Xét kháng cáo của bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Tuyết D và Ngân hàng B vào tham gia tố tụng là thiếu sót; buộc bị đơn trả lãi là đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ chồng ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị Tuyết D cũng như Ngân hàng B vào tham gia tố tụng là đúng, bởi lẽ trước đây giữa bà Dương Thị V2, vợ chồng Ông P và Ngân hàng có thỏa thuận về việc chuyển nhượng và thế chấp căn nhà số M đường F, Phường Y, quận T để vay tiền Ngân hàng trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, do nhà đất xây dựng sai phép nên không thể cập nhật sang tên cho phía bà D, vì vậy việc thế chấp cho Ngân hàng để vay tiền không thực hiện được nên đã hủy bỏ. Mặt khác, cam kết thực hiện ngày 07/4/2021 chỉ có bà Dương Thị V2 cam kết với vợ chồng nguyên đơn, vợ chồng Ông P bà D chỉ là người nhận chuyển nhượng lại nhà đất M đường F, Phường Y, quận T, không liên quan đến cam kết thực hiện này. Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng cũng như lời trình bày của các đương sự thì hiện nay nhà đất đã được chuyển nhượng xong cho phía bà D, Ông P và Ông P, bà D đã đứng tên trên Giấy chứng nhận nên bà Dương Thị V2 và ông Nguyễn Văn L phải có trách nhiệm trả số tiền còn lại là 845.000.000 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu) đồng cho nguyên đơn. Mặt khác, giữa bà Dương Thị V2 và ông Nguyễn Văn L cũng không có thỏa thuận là sau khi chuyển nhượng nhà đất xong thì vợ chồng Ông P bà D phải có trách nhiệm trả số tiền 845.000.000 đồng cho phía nguyên đơn, Vì vậy, bị đơn kháng cáo yêu cầu đưa Ông P bà D và Ngân hàng vào tham gia tố tụng là không có căn cứ chấp nhận.

Như nhận định ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả tiền lãi cho nguyên đơn là không đúng, vì đây là tranh chấp hợp đồng mua bán nhà, giữa các bên khi ký cam kết thực hiện không có thỏa thuận nếu phía bị đơn chậm trả tiền thì phải chịu tiền lãi, nên không có căn cứ để tính lãi.

Xét, kháng cáo của bị đơn là có căn cứ được chấp nhận một phần.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Do sửa một phần bản án sơ thẩm, nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lã Thị Thanh V1;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Dương Thị V2.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 274, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Xuân Q, bà Lã Thị Thanh V1.

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Dương Thị V2 phải có trách nhiệm trả cho ông Hoàng Xuân Q, bà Lã Thị Thanh V1 số tiền 845.000.000đ (Tám trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn L, bà Dương Thị V2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 21.800.000 (Hai mươi một triệu tám trăm ngàn) đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả cho Ông Nguyễn Văn L, bà Dương Thị V2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0023612 ngày 14/9/2023 của Chi cục Thi hành án quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- TAND quận T;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thảo